



**CÁC TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ
VỀ BIỆN PHÁP KIỂM DỊCH THỰC VẬT**

TIÊU CHUẨN SỐ 24

**HƯỚNG DẪN XÁC ĐỊNH
VÀ CÔNG NHẬN TÍNH TƯƠNG ĐƯƠNG
CỦA CÁC BIỆN PHÁP KIỂM DỊCH THỰC VẬT
(2005)**

Ban Thư ký Công ước quốc tế về Bảo vệ thực vật

©Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, 2012 (bản tiếng Việt)

©FAO, 1996 - 2012 (bản tiếng Anh)

Bản tiếng Việt được dịch bởi Cục Bảo vệ thực vật, Bộ Nông nghiệp và
Phát triển nông thôn

Publication history

This is not an official part of the standard

2002-03 ICPM-4 added topic *Guidelines for equivalence* (2002-002)

2003-06 SC approved Specification 11 *Guidelines for equivalence* via email

2003-09 EWG developed draft text

2004-04 SC revised draft text and approved for MC

2004-06 Sent for MC

2004-11 SC revised draft text for adoption

2005-04 ICPM-7 adopted standard

ISPM 24. 2005. *Guidelines for the determination and recognition of equivalence of phytosanitary measures*. Rome, IPPC, FAO.

Publication history: Last modified August 2011

MỤC LỤC

Phê chuẩn	4
GIỚI THIỆU.....	4
Tài liệu tham khảo.....	4
Thuật ngữ định nghĩa.....	5
Mục đích yêu cầu	5
CÁC YẾU CẦU.....	6
1. Xem xét chung.....	6
2. Nguyên tắc và yêu cầu chung	7
2.1 Quyền lãnh thổ	7
2.2 Các nguyên tắc liên quan khác của IPPC.....	7
2.3 Chứng minh kỹ thuật về tính tương đương.....	7
2.4 Không phân biệt đối xử trong việc áp dụng tính tương đương của các biện pháp KDTV	7
2.5. Trao đổi thông tin	8
2.6 Hỗ trợ kỹ thuật.....	8
2.7 Tính kịp thời	8
3. Yêu cầu cụ thể đối với việc áp dụng tính tương đương	8
3.1 Những hàng hoá và dịch hại cụ thể	8
3.2 Các biện pháp hiện hành	8
3.3 Tham gia tư vấn	9
3.4 Quy trình thoả thuận.....	9
3.5 Các yếu tố được xem xét để xác định tính tương đương	9
3.6 Thương mại ổn định.....	10
3.7 Điều khoản thi hành	10
3.8 Rà soát, kiểm tra	10
3.9 Thực hiện và minh bạch.....	10
PHỤ LỤC 1: Quy trình xác định tính tương đương.....	11

Phê chuẩn

Tiêu chuẩn này được thông qua tại Phiên họp lần thứ 6 của Ủy ban Lâm thời về Các biện pháp Kiểm dịch thực vật vào tháng 4 năm 2005.

GIỚI THIỆU

Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này trình bày các nguyên tắc và yêu cầu cho việc xác định và công nhận tính tương đương của các biện pháp kiểm dịch thực vật (KDTV). Tiêu chuẩn này cũng mô tả quy trình xác định tính tương đương trong thương mại quốc tế.

Tài liệu tham khảo

IPPC. 1997. *Công ước quốc tế về Bảo vệ thực vật*. Rome, IPPC, FAO.

ISPM 1. 1993. *Các nguyên tắc KDTV liên quan đến thương mại quốc tế*. Rome, IPPC, FAO. [công bố 1995] [sửa đổi; nay là ISPM số : 2006]

ISPM 2. 1995. *Hướng dẫn phân tích nguy cơ dịch hại*. Rome, IPPC, FAO. [công bố: 1996] [sửa đổi; nay là ISPM số 2: 2007]

ISPM 5. *Thuật ngữ kiểm dịch thực vật*. Rome, IPPC, FAO.

ISPM 7. 1997. *Hệ thống chứng nhận xuất khẩu*. Rome, IPPC, FAO.

ISPM 11. 2004. *Phân tích nguy cơ dịch hại đối với dịch hại KDTV bao gồm phân tích nguy cơ về môi trường và sinh vật sống biến đổi gen*. Rome, IPPC, FAO.

ISPM 13. 2001. *Hướng dẫn thông báo trường hợp không tuân thủ và hành động khẩn cấp*. Rome, IPPC, FAO.

ISPM 14. 2002. *Sử dụng phương pháp hệ thống trong biện pháp tổng hợp để quản lý nguy cơ dịch hại*. Rome, IPPC, FAO.

ISPM 15. 2002. *Hướng dẫn quản lý đối với vật liệu đóng gói bằng gỗ trong thương mại quốc tế*. Rome, IPPC, FAO. [sửa đổi; nay là ISPM số 15:2009]

ISPM 21. 2004. *Phân tích nguy cơ dịch hại đối với dịch hại thuộc diện điều chỉnh nhưng không phải là dịch hại KDTV*. Rome, IPPC, FAO.

WTO. 1994. *Hiệp định về việc áp dụng các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật (SPS)*. Geneva, World Trade Organization.

Thuật ngữ định nghĩa

Thuật ngữ dùng trong tiêu chuẩn này có thể xem tại ISPM số 5 (*Thuật ngữ kiểm dịch thực vật*).

Mục đích yêu cầu

Tính tương đương là một trong số những nguyên tắc chung của IPPC (ISPM 1:1993).

Tính tương đương được áp dụng cho những trường hợp mà các biện pháp KDTV đang thực hiện với một loài dịch hại cụ thể liên quan đến việc buôn bán một hoặc nhiều loại hàng hóa. Việc xác định tính tương đương căn cứ vào nguy cơ dịch hại cụ thể và tính tương đương có thể áp dụng đối với những biện pháp riêng rẽ hay phối hợp nhiều biện pháp hoặc dùng biện pháp tổng hợp trong phương pháp hệ thống.

Việc xác định tính tương đương đòi hỏi sự đánh giá về hiệu quả của các biện pháp KDTV trong việc giảm thiểu nguy cơ dịch hại cụ thể. Việc xác định tính tương đương của các biện pháp có thể bao gồm đánh giá hệ thống hoặc chương trình KDTV của Bên xuất khẩu nhằm hỗ trợ cho việc thực hiện các biện pháp đó. Thông thường, việc xác định này là một quy trình chung và thống nhất giữa Bên nhập khẩu và Bên xuất khẩu liên quan đến quá trình trao đổi và đánh giá thông tin thường xuyên. Thông tin được cung cấp dưới hình thức cho phép đánh giá các biện pháp hiện hành hoặc biện pháp đề xuất về khả năng đáp ứng mức độ bảo vệ phù hợp của Bên nhập khẩu¹.

Bên xuất khẩu có thể yêu cầu Bên nhập khẩu cung cấp thông tin về các biện pháp hiện hành nhằm đáp ứng mức độ bảo vệ phù hợp. Bên xuất khẩu có thể đề xuất biện pháp khác, chứng minh rằng biện pháp này đạt được mức độ bảo vệ phù hợp và việc này do Bên nhập khẩu đánh giá. Trong trường hợp có sự hỗ trợ kỹ thuật, thì Bên nhập khẩu có thể đề xuất các biện pháp KDTV thay thế khác. Các Bên tham gia cố gắng đảm bảo việc công nhận tính tương đương của các biện pháp và khẩn trương giải quyết mọi bất đồng.

¹ Thuật ngữ này được nêu trong Hiệp định về việc áp dụng các biện pháp vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật của Tổ chức thương mại thế giới (WTO – Hiệp định SPS). Các thành viên WTO khác tham khảo khái niệm này như là “mức độ nguy cơ chấp nhận được”

CÁC YẾU CẦU

1. Xem xét chung

Tính tương đương được mô tả như nguyên tắc chung số 7 trong ISPM số 1:1993 "Tính tương đương: các nước sẽ công nhận các biện pháp KDTV tương đương không giống nhau nhưng có cùng tác động". Hơn nữa, khái niệm tương đương và nghĩa vụ của các Bên tham gia để theo dõi nguyên tắc tương đương là yếu tố không thể thiếu trong các ISPM hiện hành khác. Ngoài ra, tính tương đương được mô tả trong Điều 4 của Hiệp định SPS của WTO.

Quá trình công nhận tính tương đương là nhằm kiểm tra xem các biện pháp KDTV đề xuất thay thế có đạt được mức độ bảo vệ phù hợp của nước nhập khẩu như các biện pháp hiện có của quốc gia đó hay không.

Các Bên tham gia công nhận rằng các biện pháp KDTV thay thế có thể đạt được mức bảo vệ phù hợp của mình. Do đó, khi chưa chính thức hoá được "tính tương đương", thì áp dụng rộng rãi tính tương đương của các biện pháp KDTV hiện hành.

Để quản lý nguy cơ một dịch hại cụ thể và đạt được mức bảo vệ phù hợp của một Bên tham gia, tính tương đương có thể được áp dụng với:

- Một biện pháp riêng rẽ
- Kết hợp các biện pháp, hoặc
- Biện pháp tổng hợp trong phương pháp hệ thống.

Đối với phương pháp hệ thống, các biện pháp được đề xuất thay thế có thể tương đương với một hoặc nhiều biện pháp tổng hợp hơn là thay đổi toàn bộ phương pháp hệ thống. Các biện pháp tương đương thường là áp dụng với hàng hoá hơn là với các chuyến hàng riêng lẻ.

Việc đánh giá tính tương đương của các biện pháp KDTV có thể không giới hạn trong việc đánh giá các biện pháp riêng rẽ, mà còn liên quan đến việc xem xét các khía cạnh của hệ thống chứng nhận xuất khẩu hoặc các yếu tố khác liên quan đến việc thực hiện các biện pháp quản lý nguy cơ dịch hại.

Tiêu chuẩn này cung cấp hướng dẫn cho các tình huống mà Bên nhập khẩu đã có một biện pháp KDTV hoặc đang đề xuất một biện pháp mới, và Bên xuất khẩu lại đề nghị một biện pháp thay thế mà vẫn đạt được mức độ bảo vệ phù hợp của Bên nhập khẩu, thì biện pháp này cũng cần đánh giá tính tương đương.

Trong một số trường hợp, Bên nhập khẩu liệt kê một số biện pháp KDTV được xem xét để đạt được mức độ bảo vệ phù hợp, khuyến khích các Bên áp dụng hai hoặc nhiều biện pháp tương đương đối với các vật thể thuộc diện KDTV như một phần của các quy định nhập khẩu của họ. Điều này cho phép xem xét đến sự khác nhau hoặc thay đổi tình trạng KDTV ở các nước xuất khẩu. Các biện pháp này có thể khác nhau nhưng chúng vẫn đạt được hoặc vượt quá mức bảo vệ phù hợp của Bên nhập khẩu. Việc đánh giá tính tương đương của các biện pháp được Bên nhập khẩu nêu ra không phải là chủ đề chính của tiêu chuẩn này.

Mặc dù tính tương đương thường là thủ tục song phương giữa Bên xuất khẩu và nhập khẩu, thì các thoả thuận đa phương để so sánh các biện pháp thay thế vẫn được thực hiện như một phần của quá trình xây dựng tiêu chuẩn của IPPC. Ví dụ như các biện pháp thay thế đã được phê duyệt trong ISPM số 15: 2002

2. Nguyên tắc và yêu cầu chung

2.1 Quyền lãnh thổ

Các Bên tham gia có quyền áp dụng các biện pháp KDTV phù hợp với các hiệp định quốc tế để bảo vệ cây trồng trong lãnh thổ của mình và xác định mức độ bảo vệ phù hợp của các biện pháp đối với cây trồng. Các Bên cũng có quyền điều chỉnh việc nhập khẩu thực vật, sản phẩm thực vật và các vật thể thuộc diện KDTV khác (Điều VII.1 của IPPC). Do đó, các nước có quyền đưa ra những quyết định liên quan đến việc xác định tính tương đương. Để tăng cường hợp tác, Bên nhập khẩu đánh giá tính tương đương của các biện pháp KDTV.

2.2 Các nguyên tắc liên quan khác của IPPC

Trong việc đánh giá tính tương đương, các Bên tham gia nên lưu ý những nguyên tắc sau:

- Tác động tối thiểu (Điều VII.2 g của IPPC)
- Sửa đổi (Điều VII.2 h của IPPC)
- Minh bạch (Điều VII.2b, VII.2c, VII.2i và VIII.1a của IPPC)
- Hải hòa (Điều X.4 của IPPC)
- Phân tích nguy cơ (Điều II và VI.1b của IPPC)
- Quản lý nguy cơ (Điều VII.2a và VII.2g của IPPC)
- Không phân biệt đối xử (Điều VI.1a của IPPC).

2.3 Chứng minh kỹ thuật về tính tương đương

Việc đánh giá tính tương đương phải căn cứ vào mức nguy cơ, sử dụng những đánh giá của các thông tin khoa học sẵn có hoặc thông qua PRA hoặc đánh giá các biện pháp hiện hành và các biện pháp đề xuất. Bên xuất khẩu có trách nhiệm cung cấp thông tin kỹ thuật để chứng minh rằng những biện pháp thay thế làm giảm nguy cơ dịch hại cụ thể và đạt được mức độ bảo vệ phù hợp của Bên nhập khẩu. Trong một số trường hợp (như trình bày ở 3.2), Bên nhập khẩu có thể đề nghị các biện pháp thay thế để Bên xuất khẩu xem xét. Thông tin này có thể là định tính hoặc định lượng miễn là có thể so sánh được.

Mặc dù các biện pháp thay thế cần được kiểm tra, việc đánh giá nguy cơ dịch hại mới có thể không cần thiết trong thời điểm đó vì việc buôn bán đối với hàng hóa hoặc nhóm hàng hóa đã được điều chỉnh, nước nhập khẩu phải có dữ liệu liên quan đến phân tích nguy cơ dịch hại.

2.4 Không phân biệt đối xử trong việc áp dụng tính tương đương của các biện pháp KDTV

Nguyên tắc không phân biệt đối xử đòi hỏi tính tương đương của các biện pháp KDTV được công nhận cho Bên xuất khẩu, điều này cũng phải áp dụng đối với

Bên tham gia khác có tình trạng KDTV và những điều kiện tương tự đối với cùng một hàng hóa hoặc chủng loại hàng hóa hoặc dịch hại. Vì vậy, Bên nhập khẩu công nhận tính tương đương của các biện pháp KDTV thay thế của Bên xuất khẩu phải đảm bảo không có sự phân biệt đối xử. Điều này áp dụng cho cả các nước thứ ba khi công nhận tính tương đương về cùng biện pháp hoặc của các biện pháp tương tự và cả tính tương đương của các biện pháp trong nước.

Các biện pháp KDTV sẽ luôn được xem xét trong khuôn khổ của tình trạng dịch hại và hệ thống quy định KDTV của Bên xuất khẩu, bao gồm các quy trình và chính sách.

2.5. Trao đổi thông tin

Các Bên tham gia có nghĩa vụ cung cấp và trao đổi thông tin (theo quy định của IPPC) cho việc xác định tính tương đương. Luôn có sẵn thông tin để cung cấp khi có yêu cầu và cơ sở hợp lý của các yêu cầu KDTV cũng như hợp tác trong việc cung cấp thông tin sinh học và kỹ thuật cần thiết cho việc phân tích nguy cơ dịch hại. Các Bên tham gia phải giới hạn về yêu cầu những dữ liệu liên quan đến việc đánh giá tính tương đương.

Để tạo thuận lợi cho việc thảo luận về tính tương đương, Bên nhập khẩu sẽ cung cấp thông tin diễn giải các biện pháp đang áp dụng cho việc làm giảm nguy cơ dịch hại cụ thể và đạt được mức độ bảo vệ phù hợp. Thông tin này có thể được cung cấp ở hai dạng: định tính và định lượng. Thông tin sẽ hỗ trợ Bên xuất khẩu hiểu được những biện pháp đang áp dụng và giải thích các biện pháp được đề xuất thay thế làm giảm nguy cơ dịch hại và đạt được mức độ bảo vệ phù hợp của nước nhập khẩu.

2.6 Hỗ trợ kỹ thuật

Theo điều XX của IPPC, khuyến khích các Bên tham gia xem xét để cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho việc xây dựng các biện pháp trên cơ sở tính tương đương nếu Bên tham gia khác yêu cầu.

2.7 Tính kịp thời

Các Bên tham gia sẽ cố gắng xác định tính tương đương của các biện pháp KDTV và khẩn trương giải quyết mọi vấn đề.

3. Yêu cầu cụ thể đối với việc áp dụng tính tương đương

3.1 Những hàng hoá và dịch hại cụ thể

Quá trình so sánh những biện pháp KDTV thay thế để xác định tính tương đương của những biện pháp đó liên quan đến một hàng hóa xuất khẩu và dịch hại thuộc diện điều chỉnh cụ thể đã được xác định thông qua quá trình phân tích nguy cơ dịch hại.

3.2 Các biện pháp hiện hành

Tính tương đương áp dụng chung cho những trường hợp Bên nhập khẩu sẵn có các biện pháp liên quan đến thương mại. Tuy nhiên, điều đó cũng có thể áp dụng ở nơi mà biện pháp mới do Bên nhập khẩu đề xuất. Thông thường, Bên xuất khẩu đưa ra biện pháp thay thế có thể đạt được mức độ bảo vệ của Bên

nhập khẩu. Trong một số trường hợp, như có sự hỗ trợ kỹ thuật, các Bên tham gia có thể đề xuất biện pháp thay thế để Bên tham gia khác xem xét.

Nơi có những hàng hóa hoặc loại hàng hóa mới nhập khẩu và không có biện pháp nào đang được áp dụng thì các bên tham gia sẽ tham khảo ISPM số 11:2004 và ISPM số 21:2004 cho các quá trình PRA thông thường.

3.3 Tham gia tư vấn

Khi có yêu cầu, các Bên phải tham gia tư vấn nhằm tạo thuận lợi cho việc đánh giá tính tương đương.

3.4 Quy trình thoả thuận

Các Bên sẽ thoả thuận về quy trình xác định tính tương đương. Điều này có thể căn cứ vào quy trình được quy định tại Phụ lục 1 của tiêu chuẩn này hoặc quy trình thoả thuận song phương khác.

3.5 Các yếu tố được xem xét để xác định tính tương đương

Việc xác định tính tương đương tùy thuộc vào các yếu tố. Những yếu tố đó có thể là:

- Hiệu quả của biện pháp được chứng minh trong điều kiện phòng thí nghiệm hoặc ngoài đồng ruộng
- Kiểm tra các tài liệu liên quan đến hiệu quả của biện pháp
- Kết quả khảo nghiệm và ứng dụng của dụng biện pháp
- Yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện biện pháp (ví dụ: các chính sách và thủ tục của Bên tham gia).

Hiệu quả của biện pháp KDTV được thực hiện ở nước thứ ba có thể được tham khảo. Thông tin về biện pháp được Bên nhập khẩu sử dụng để đánh giá về tác dụng của biện pháp thay thế trong việc làm giảm nguy cơ dịch hại tới mức bảo vệ phù hợp.

Khi so sánh những biện pháp hiện hành và biện pháp đề xuất là tương đương, các Bên tham gia xuất khẩu và nhập khẩu sẽ đánh giá khả năng làm giảm nguy cơ dịch hại cụ thể của biện pháp đó. Những biện pháp đề xuất sẽ được đánh giá về khả năng đạt được mức độ bảo vệ phù hợp của Bên nhập khẩu. Trong trường hợp hiệu quả của cả biện pháp hiện hành và biện pháp đề xuất là như nhau thì hiệu quả có thể được so sánh trực tiếp về khả năng làm giảm nguy cơ dịch hại. Ví dụ: việc xử lý xông hơi và xử lý lạnh có thể được so sánh về hiệu quả của hai biện pháp trên cơ sở tỷ lệ dịch hại bị tiêu diệt.

Rất khó so sánh trực tiếp đối với những biện pháp khác nhau. Trong trường hợp này thì biện pháp đề xuất phải được đánh giá khả năng đạt được mức độ bảo vệ phù hợp của Bên nhập khẩu. Điều này có thể yêu cầu dữ liệu được thay đổi hoặc mở rộng, vì thế những đơn vị thông thường có thể được sử dụng trước khi so sánh. Ví dụ: những hiệu quả như tỷ lệ dịch hại bị tiêu diệt và vùng dịch hại ít phổ biến có thể được so sánh nếu được xem xét về sự không nhiễm dịch hại ở mức độ tin cậy được chấp nhận.

Khi xác định tính tương đương, việc so sánh đối với những yêu cầu kỹ thuật cụ thể của các biện pháp hiện hành hoặc biện pháp đề xuất có thể đáp ứng yêu cầu. Trong một số trường hợp, việc xác định một biện pháp đạt mức độ bảo vệ phù hợp có thể cần được xem xét về khả năng áp dụng biện pháp này của nước xuất khẩu. Trong trường hợp kênh thương mại đã được thiết lập giữa các Bên tham gia, điều này cung cấp kiến thức và kinh nghiệm về việc áp dụng các biện pháp tương đương và hệ thống quy định KDTV của bên xuất khẩu (ví dụ: luật pháp, giám sát, kiểm tra, chứng nhận). Kinh nghiệm và kiến thức này sẽ củng cố niềm tin giữa các bên và hỗ trợ khi cần thiết bằng việc đánh giá một đề xuất tương đương. Về thông tin, Bên nhập khẩu có thể yêu cầu cập nhật thông tin dựa trên cơ sở kỹ thuật các quy trình của Bên xuất khẩu liên quan cụ thể đến việc thực hiện biện pháp KDTV đề xuất là tương đương.

Sự chấp nhận đối với một biện pháp đề xuất có thể thuộc vào sự xem xét thực tế như: sự sẵn có hoặc chấp nhận về công nghệ, hiệu ứng ngoài ý muốn (ví dụ như độc tính thực vật) của các biện pháp đề xuất và tính khả thi kinh tế và thực hiện.

3.6 Thương mại ổn định

Việc đệ trình một yêu cầu công nhận tính tương đương không tự thay đổi theo cách thức tại nơi có thương mại; việc đệ trình này không phải là chứng cứ phá vỡ hoặc gián đoạn thương mại hoặc các yêu cầu KDTV nhập khẩu hiện hành.

3.7 Điều khoản thi hành

Để hỗ trợ việc xem xét yêu cầu tương đương của Bên nhập khẩu, Bên xuất khẩu sẽ tạo thuận lợi cho Bên nhập khẩu tiếp cận những địa điểm có liên quan để rà soát, kiểm tra hoặc xác minh đối với việc xác định tính tương đương khi được chứng minh kỹ thuật.

3.8 Rà soát, kiểm tra

Sau khi công nhận tính tương đương, các Bên tham gia phải thực hiện các quy trình rà soát và giám sát tương tự như các biện pháp KDTV. Việc thực hiện này bao gồm những quy trình bảo đảm như kiểm tra hồ sơ giấy tờ, kiểm tra định kỳ, báo cáo việc không tuân thủ. (xem ISPM số 13:2001 hoặc các sửa đổi khác)

3.9 Thực hiện và minh bạch

Để đạt được yêu cầu minh bạch, việc sửa đổi các quy định và những quy trình liên quan phải luôn có sẵn cho các Bên tham gia quan tâm.

Phụ lục là phần quy định của Tiêu chuẩn này

PHỤ LỤC 1: Quy trình xác định tính tương đương

Quy trình tương tác dưới đây trình bày các khuyến cáo về việc đánh giá các biện pháp KDTV để xác định tính tương đương. Tuy nhiên, quy trình mà các đối tác thương mại sử dụng để xác định tính tương đương có thể thay đổi tùy thuộc vào từng trường hợp.

Các bước được đề xuất là:

1. Bên xuất khẩu thông tin cho đối tác thương mại của mình về sự quan tâm đối với việc xác định tính tương đương, xác định hàng hóa cụ thể, dịch hại thuộc diện điều chỉnh và các biện pháp hiện hành hoặc biện pháp được đề xuất, bao gồm cả số liệu có liên quan. Trong cùng một thời điểm, Bên nhập khẩu có thể yêu cầu bằng chứng kỹ thuật đối với các biện pháp đang áp dụng. Trong khi thảo luận để xác định tính tương đương, có thể lập bản thỏa thuận sơ lược về các bước liên quan, chương trình nghị sự và khung thời gian thực hiện
2. Bên nhập khẩu trình bày các biện pháp hiện hành với các thuật ngữ sao cho dễ dàng so sánh với các biện pháp KDTV thay thế khác. Với khả năng cao nhất, Bên nhập khẩu cần cung cấp các thông tin sau:
 - a. Mục đích của các biện pháp KDTV bao gồm việc xác định nguy cơ dịch hại cụ thể mà những biện pháp này được áp dụng để làm giảm nguy cơ.
 - b. Trong phạm vi có thể, các biện pháp KDTV hiện hành đạt được mức độ bảo vệ của Bên nhập khẩu như thế nào.
 - c. Bằng chứng kỹ thuật đối với các biện pháp KDTV hiện hành, bao gồm PRA nếu thích hợp.
 - d. Bất kỳ thông tin bổ sung nào có thể hỗ trợ Bên xuất khẩu để giải thích rằng những biện pháp được đề xuất đạt được mức độ bảo vệ phù hợp của Bên nhập khẩu.
3. Bên xuất khẩu cung cấp những thông tin kỹ thuật giải thích tính tương đương của các biện pháp KDTV và đưa ra yêu cầu cụ thể công nhận tính tương đương. Thông tin này cần phải phù hợp để so sánh với những thông tin mà Bên nhập khẩu cung cấp và tạo điều kiện cho Bên nhập khẩu có đánh giá cần thiết. Thông tin bao gồm các yếu tố sau:
 - a. Diễn giải các biện pháp đề xuất thay thế
 - b. Hiệu quả của các biện pháp
 - c. Trong phạm vi có thể, đóng góp thêm các biện pháp đề xuất khác đạt được mức độ bảo vệ phù hợp của Bên nhập khẩu
 - d. Thông tin về các biện pháp đã được đánh giá (ví dụ: thử nghiệm trong phòng thí nghiệm, phân tích thống kê, kinh nghiệm tiến hành thực tế) và ứng dụng thực tế của các biện pháp đó

- e. So sánh giữa các biện pháp đề xuất thay thế và các biện pháp hiện hành của Bên nhập khẩu đối với cùng mức nguy cơ dịch hại
 - f. Thông tin về tính khả thi kỹ thuật và hoạt động của các biện pháp đề xuất thay thế
4. Bên nhập khẩu tiếp nhận và đánh giá các biện pháp KDTV đề xuất thay thế, cần lưu ý, nhưng không bị giới hạn như sau:
- a. Độ trình của Bên xuất khẩu, bao gồm cả việc hỗ trợ thông tin phản ánh hiệu quả các biện pháp đề xuất thay thế
 - b. Mức độ các biện pháp KDTV thay thế đạt được mức bảo vệ phù hợp cũng như thông tin có cơ sở định tính hoặc định lượng
 - c. Thông tin liên quan đến phương pháp, hoạt động và điều hành các biện pháp KDTV đề xuất thay thế để ngăn chặn hoặc làm giảm nguy cơ dịch hại cụ thể
 - d. Tính khả thi kinh tế và điều hành đối với việc chấp nhận các biện pháp KDTV đề xuất thay thế

Trong khi đánh giá có thể yêu cầu thông tin thêm. Thông tin bổ sung /hoặc tiếp cận các thủ tục thực hiện được Bên nhập khẩu yêu cầu để hoàn chỉnh việc đánh giá. Bên xuất khẩu phải trả lời mọi vấn đề liên quan đến kỹ thuật mà Bên nhập khẩu đưa ra bằng việc cung cấp thông tin liên quan hoặc tạo điều kiện cho việc rà soát, kiểm tra, xác minh cần thiết để xác định tính tương đương.

- 5. Bên nhập khẩu thông báo cho Bên xuất khẩu về quyết định của mình và sẽ cung cấp các bằng chứng kỹ thuật và giải thích về quyết định của mình ngay khi có yêu cầu.
- 6. Trong trường hợp không chấp nhận yêu cầu về tính tương đương thì những ý kiến trái ngược sẽ được giải quyết thông qua đối thoại song phương.
- 7. Nếu tính tương đương được Bên nhập khẩu công nhận, thì cần phải nhanh chóng thực hiện việc sửa đổi bổ sung những quy định nhập khẩu và bất cứ quy trình của Bên nhập khẩu có liên quan. Những sửa đổi này cần được thông báo theo quy định tại Điều VII.2b của IPPC.
- 8. Việc thẩm tra hồ sơ và quy trình giám sát có thể được thiết lập và được quy định trong kế hoạch hoặc thoả thuận mà trong đó đã công nhận việc thực hiện các biện pháp và chương trình tương đương.